



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XLDK VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN
XÂY LẮP DẦU KHÍ THANH HÓA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 75./CBTT-XLDKTH

Thanh Hóa, ngày 13 tháng 08 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN

V/v: Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 (đã được soát xét) của Công ty CPXL dầu khí Thanh Hóa

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Tên Công ty : Công ty cổ phần xây lắp dầu khí Thanh Hóa
Trụ sở chính : Số 38A Đại lộ Lê Lợi, P. Điện Biên, TP. Thanh Hóa
Điện thoại : 02373 724 668 Fax: 02373 757 886
Người CBTT: Bà Nguyễn Thị Huệ
Địa chỉ : SN 47/4/ Nam Cao - Phường Hạc Thành - TP. Thanh Hóa
Điện thoại : 091.651.7799

Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 (đã được soát xét) của Công ty cổ phần xây lắp dầu khí Thanh Hóa.
(Chi tiết Báo cáo đính kèm).

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

NGƯỜI ĐƯỢC UQCBBT

Nguyễn Thị Huệ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ THANH HÓA

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

(đã được soát xét)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04 - 05
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	06 - 36
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	09
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	10 - 36

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa trước đây là Công ty Cổ phần Thịnh Phát hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2800947548 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp lần đầu ngày 16 tháng 02 năm 2006 và thay đổi lần thứ 13 ngày 03 tháng 06 năm 2025.

Trụ sở chính của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần gần nhất là tại: Tầng 10 Tòa nhà Dầu khí, số 38A Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa. Hiện nay địa chỉ này đã được đổi thành: Tầng 10 Tòa nhà Dầu Khí, số 38A Đại lộ Lê Lợi, Phường Hạc Thành, Tỉnh Thanh Hóa.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Hải Bằng	Chủ tịch	
Ông Vũ Đức Tiến	Phó Chủ tịch	(Miễn nhiệm ngày 20 tháng 05 năm 2025)
Ông Hoàng Giang	Thành viên	
Ông Phạm Văn Tú	Thành viên	
Ông Hoàng Tuấn Anh	Thành viên	

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Đắc Tuấn	Giám đốc	
Bà Vũ Thị Hà	Phó Giám đốc	
Ông Nguyễn Văn Quang	Phó Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 26 tháng 03 năm 2025)
Ông Vũ Đức Long	Phó Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 26 tháng 03 năm 2025)

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này ông Hoàng Đắc Tuấn - Giám đốc Công ty.

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Vũ Thị Thanh	Trưởng ban
Bà Trịnh Thị Hồng	Thành viên
Ông Đỗ Dương Thông	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hăng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;

Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa

Tầng 10 Tòa nhà Dầu Khí, số 38A Đại lộ Lê Lợi, Phường Hạc Thành, Tỉnh Thanh Hóa

- Lập và trình bày các báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập các báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

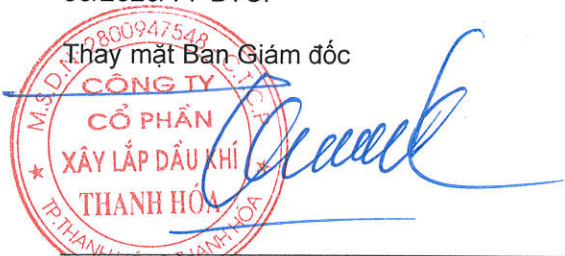
Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18 tháng 09 năm 2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

Thay mặt Ban Giám đốc



Hoàng Đức Tuấn

Giám đốc

Thanh Hóa, ngày 12 tháng 08 năm 2025

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa được lập ngày 12 tháng 08 năm 2025, từ trang 06 đến trang 36, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận

1. Chúng tôi không có đủ thông tin để đánh giá sự phù hợp của các khoản mục nợ phải thu, phải trả tại ngày 01/01/2025 và 30/06/2025 như sau: Phải thu của khách hàng số tiền lần lượt là 60,67 tỷ VND và 77,9 tỷ VND; Trả trước cho người bán số tiền lần lượt là 42,49 tỷ VND và 42,44 tỷ VND; Phải thu khác số tiền lần lượt là 71,14 tỷ VND và 72,03 tỷ VND; Phải trả người bán số tiền lần lượt là 35,33 tỷ VND và 60,28 tỷ VND; Vay và nợ thuê tài chính dài hạn cùng số tiền là 2,39 tỷ VND.
2. Tại ngày 01/01/2025 và ngày 30/06/2025 Công ty đang phân loại các khoản công nợ trên Bảng cân đối kế toán: Phải thu khách hàng dài hạn (mã số 211) số tiền lần lượt là 64,29 tỷ VND và 64,02 tỷ VND; Trả trước cho người bán dài hạn (mã số 212) cùng số tiền là 39,29 tỷ VND; Phải thu khác dài hạn (mã số 216) cùng số tiền là 28,88 tỷ VND; Dự phòng phải thu khó đòi dài hạn (mã số 219) cùng số tiền là 26,81 tỷ VND; Phải trả người bán dài hạn (mã số 331) số tiền lần lượt là 68,85 tỷ VND và 68,67 tỷ VND; Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (mã số 338) cùng số tiền là 309,75 tỷ VND. Chúng tôi không có đủ thông tin cần thiết để có thể đánh giá được sự phù hợp của việc phân loại các khoản nợ phải thu, phải trả dài hạn này.
3. Tại ngày 30/06/2025, Công ty vẫn chưa thực hiện đánh giá lại dự phòng nợ phải thu khó đòi đối với các khoản nợ phải thu. Chúng tôi không có đủ thông tin cần thiết để có thể đánh giá được sự phù hợp của số dự phòng phải thu ngắn hạn và dài hạn đang được trình bày trên Báo cáo tài chính đính kèm.

- 4 Chỉ tiêu Hàng tồn kho (mã số 141) và Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn (mã số 241) của Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2025 của Công ty đang phản ánh cả một số công trình đã dừng thi công từ năm 2020 trở về trước với số tiền khoảng 263,9 tỷ VND (Xem thuyết minh số 9 và số 13a) Công ty chưa đánh giá giá trị có thể thu hồi của các công trình này.
- 5 Công ty đang ghi nhận chi phí khấu hao của tòa nhà Dầu khí số 38A Đại lộ Lê Lợi và các chi phí phát sinh phục vụ hoạt động cho thuê văn phòng tại tòa nhà này vào chỉ tiêu Hàng tồn kho (mã số 141) với số dư tại ngày 01/01/2025 và ngày 30/06/2025 với cùng số tiền là 4,22 tỷ VND (Xem thuyết minh số 9). Nếu Công ty trình bày Báo cáo tài chính theo đúng chế độ kế toán hiện hành thì: chỉ tiêu Hàng tồn kho (mã số 141) sẽ giảm đi số dư nêu trên, đồng thời chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (mã số 421) cũng giảm đi số tiền tương ứng;
- 6 Trên chỉ tiêu Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (mã số 242) của Bảng Cân đối kế toán tại ngày 30/06/2025 đang phản ánh giá trị chi phí đầu tư vào dự án "Xây dựng hạ tầng Khu công nghiệp I và khu tập kết vật tư, thiết bị xây dựng Khu liên hợp hóa dầu Nghi Sơn, Thanh Hóa tại xã Mai Lâm, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa" với số tiền là 19,4 tỷ VND. Tuy nhiên dự án này đã bị chấm dứt thực hiện kể từ ngày 01/08/2013. (Xem thuyết minh số 13b).
- 7 Công ty chưa ghi nhận khoản chi phí phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam liên quan đến 02 dự án "Khách sạn Lam Kinh" và dự án "Tòa nhà Dầu khí 38A" từ năm 2015 đến ngày 30/06/2025 với giá trị khoảng 723,29 tỷ VND. (Xem thuyết minh số 20).
- 8 Tại ngày 01/01/2025 và ngày 30/06/2025 Công ty đang theo dõi khoản chi phí sửa chữa lớn Tòa nhà Dầu khí trên chỉ tiêu Chi phí trả trước dài hạn (Mã số 261) số tiền lần lượt là 5,79 tỷ VND và 4,33 tỷ VND (xem thuyết minh số 10). Tuy nhiên Công ty chưa cung cấp được hồ sơ nghiệm thu hoàn thành việc sửa chữa do đó chúng tôi không xác định được sự phù hợp của số dư khoản chi phí trả trước này và phần được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

Chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên đến Báo cáo tài chính đính kèm.

Từ chối đưa ra kết luận

Do tầm quan trọng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận", chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để làm cơ sở đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính đính kèm.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý tới Thuyết minh số 13 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, Công ty CP Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa đã chuyển nhượng dự án "Khách sạn Lam Kinh" cho Công ty CP Khách sạn Lam Kinh quản lý và khai thác sử dụng khi chưa có sự chấp thuận của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi việc từ chối đưa ra kết luận nêu trên của chúng tôi.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Phạm Anh Tuấn

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0777-2023-002-1


Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2025


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025


Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		179.854.101.125	183.624.235.079
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	2.031.843.639	2.283.939.796
111	1. Tiền		2.031.843.639	2.283.939.796
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	26.400.000.000	27.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		26.400.000.000	27.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		81.556.617.433	84.867.282.908
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	35.257.289.306	38.529.227.444
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	3.149.584.241	3.204.664.240
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	43.149.743.886	43.133.391.224
140	IV. Hàng tồn kho	9	67.858.150.223	68.247.207.050
141	1. Hàng tồn kho		67.858.150.223	68.247.207.050
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		2.007.489.830	1.225.805.325
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	739.721.598	38.347.957
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		1.207.246.410	1.126.934.659
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	60.521.822	60.522.709
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		373.456.708.919	374.716.127.453
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		105.376.560.870	105.644.075.271
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	5	64.021.872.769	64.289.387.170
212	2. Trả trước cho người bán dài hạn	6	39.286.577.950	39.286.577.950
216	3. Phải thu dài hạn khác	7	28.881.954.296	28.881.954.296
219	4. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		(26.813.844.145)	(26.813.844.145)
220	II. Tài sản cố định		138.660.350	181.846.295
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	138.660.350	181.846.295
222	- Nguyên giá		2.609.395.391	2.609.395.391
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.470.735.041)	(2.427.549.096)
230	III. Bất động sản đầu tư	12	42.963.939.934	43.843.254.790
231	- Nguyên giá		73.235.868.711	73.235.868.711
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(30.271.928.777)	(29.392.613.921)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	13	218.968.857.670	218.968.857.670
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		199.600.912.198	199.600.912.198
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		19.367.945.472	19.367.945.472
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	-	-
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		18.296.788.082	18.296.788.082
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(18.296.788.082)	(18.296.788.082)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		6.008.690.095	6.078.093.427
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	6.008.690.095	6.078.093.427
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		553.310.810.044	558.340.362.532

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025
(Tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		501.539.954.182	502.280.045.571
310	I. Nợ ngắn hạn		107.477.907.373	107.797.357.050
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	15.918.798.539	16.308.473.266
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	948.485.315	869.825.373
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	490.708.660	67.495.280
314	4. Phải trả người lao động		836.324.417	1.190.339.459
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	84.525.184.953	84.525.184.953
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	18	178.166.181	105.657.340
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	19	1.673.274.632	1.823.416.703
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		2.906.964.676	2.906.964.676
330	II. Nợ dài hạn		394.062.046.809	394.482.688.521
331	1. Phải trả người bán dài hạn	14	68.669.084.627	68.849.084.627
336	2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	18	15.639.373.137	15.880.014.849
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	20	309.753.589.045	309.753.589.045
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		51.770.855.862	56.060.316.961
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	51.770.855.862	56.060.316.961
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		210.000.000.000	210.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		210.000.000.000	210.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		6.355.535.090	6.355.535.090
420	3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		1.567.942.490	1.567.942.490
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(166.152.621.718)	(161.863.160.619)
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(161.863.160.619)	(141.625.778.659)
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		(4.289.461.099)	(20.237.381.960)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		553.310.810.044	558.340.362.532


Lương Quang Trung
Người lập biểu



Vũ Thị Hải
Phụ trách phòng
Tài chính - Kế toán



Hoàng Đức Tuấn
Giám đốc
Thanh Hóa, ngày 12 tháng 08 năm 2025

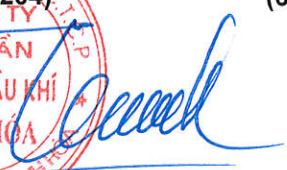


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	4.431.556.674	12.735.416.894
10	2. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		4.431.556.674	12.735.416.894
11	3. Giá vốn hàng bán	23	6.461.272.970	23.770.130.081
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		(2.029.716.296)	(11.034.713.187)
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	24	750.948.865	582.085.701
25	6. Chi phí bán hàng	25	141.656.443	-
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	2.783.155.045	3.271.683.396
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(4.203.578.919)	(13.724.310.882)
31	9. Thu nhập khác	27	39.239.546	424.402
32	10. Chi phí khác	28	125.121.726	66.872.164
40	11. Lợi nhuận khác		(85.882.180)	(66.447.762)
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(4.289.461.099)	(13.790.758.644)
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29	-	-
60	14. Lợi nhuận sau thuế TNDN		(4.289.461.099)	(13.790.758.644)
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30	(204)	(657)


Lương Quang Trung
Người lập biểu



Vũ Thị Hải
Phụ trách phòng
Tài chính - Kế toán



Hoàng Đắc Tuấn
Giám đốc
Thanh Hóa, ngày 12 tháng 08 năm 2025




BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2025 VND	6 tháng đầu năm 2024 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(4.289.461.099)	(13.790.758.644)
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		922.500.801	929.259.157
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(750.948.865)	(582.085.701)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(4.117.909.163)	(13.443.585.188)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		3.526.661.448	11.984.198.541
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		389.056.827	18.845.629.583
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả		(740.091.389)	(19.886.730.199)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(631.970.309)	880.155.195
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(1.574.252.586)	(1.620.332.068)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
23	1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(30.000.000.000)	(19.900.000.000)
24	2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		30.600.000.000	20.400.000.000
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		722.156.429	694.947.133
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		1.322.156.429	1.194.947.133
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(252.096.157)	(425.384.935)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		2.283.939.796	783.377.770
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	2.031.843.639	357.992.835


Lương Quang Trung
Người lập biểu


Vũ Thị Hải
Phụ trách phòng
Tài chính - Kế toán


Hoàng Đức Tuấn
Giám đốc
Thanh Hóa, ngày 12 tháng 08 năm 2025



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa trước đây là Công ty Cổ phần Thịnh Phát hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2800947548 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp lần đầu ngày 16 tháng 02 năm 2006 và thay đổi lần thứ 13 ngày 03 tháng 06 năm 2025.

Trụ sở chính của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần gần nhất là tại: Tầng 10 Tòa nhà Dầu khí, số 38A Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa. Hiện nay địa chỉ này đã được đổi thành: Tầng 10 Tòa nhà Dầu Khí, số 38A Đại lộ Lê Lợi, Phường Hạc Thành, Tỉnh Thanh Hóa.

Vốn điều lệ của Công ty là: 210.000.000.000 VND (Hai trăm mười tỷ đồng), tương ứng với 21.000.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 VND/cổ phần.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 là: 35 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là: 34 người).

Lĩnh vực kinh doanh: Xây dựng

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp; Khai thác lâm nghiệp; Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng đi thuê. Đầu tư cải tạo đất, đầu tư các công trình hạ tầng trên đất thuê đã có hạ tầng, phát triển các dự án nhà ở trong khu đô thị, văn phòng cho thuê, khu công nghiệp;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động; Đại lý du lịch, điều hành tour du lịch;
- Xây dựng công trình đường sắt, đường bộ, xây dựng công trình công ích; Xây dựng công trình công nghiệp, thủy lợi, công trình đường dây và trạm biến áp đến 35kv, công trình thể thao ngoài trời, hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu chế xuất, khu đô thị, khu kinh tế;
- Phá dỡ, lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất sắt, thép, gang; Sản xuất các cấu kiện kim loại; Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bảo dưỡng sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; Kho bãi lưu giữ hàng hóa và một số dịch vụ khác.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Trong kỳ, Công ty tiếp tục xử lý các tồn đọng của các năm trước liên quan đến các công trình chưa quyết toán được, thực hiện cung cấp dịch vụ cho thuê Tòa nhà Dầu Khí, số 38A Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa và tiếp tục thực hiện xây lắp các Công trình dở dang, thực hiện thêm hoạt động kinh doanh thương mại xăng dầu..

Tại thời điểm 30/06/2025, Báo cáo tài chính của Công ty đang phản ánh lỗ lũy kế đến 30/06/2025 là 166,15 tỷ VND, tương ứng 79,12% vốn góp của chủ sở hữu; nợ phải thu khách hàng ngắn hạn và dài hạn là 99,23 tỷ, lớn gấp 22,4 lần doanh thu trong kỳ và Công ty chưa đánh giá khả năng thu hồi của các khoản công nợ này; nợ phải trả là 501,54 tỷ VND, lớn gấp 2,39 lần vốn góp của chủ sở hữu, Công ty chưa ghi nhận nợ phải trả PVcombank số tiền là 723,29 tỷ VND; đồng thời không đánh giá và trình bày các khoản nợ phải trả quá hạn thanh toán. Vấn đề này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tuy nhiên, Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 vẫn được trình bày trên cơ sở giả định về khả năng hoạt động liên tục vì các lý do sau đây:

- Công ty đã bắt đầu lại hoạt động cho thuê văn phòng tại Tòa nhà Dầu Khí, số 38A Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành sẽ cung cấp nguồn thu lớn cho công ty trong thời gian sắp tới;
- Công ty cũng đang thực hiện các hợp đồng xây dựng như Công trình đường giao thông, thoát nước mưa, cống qua đường thuộc dự án Khu đô thị nghỉ dưỡng Khoáng nóng xã Quảng Yên, Quảng Ninh tổng giá trị hợp đồng và các phụ lục khoảng 20,58 tỷ VND, thi công xây dựng và đảm bảo an toàn giao thông công trình dự án: Xây dựng đường gom kênh T6 xã Vũ Hội 13,9 tỷ VND. Các công trình này dự kiến sẽ đem lại nguồn thu lớn cho công ty trong thời gian tới.
- Công ty triển khai thêm hoạt động kinh doanh thương mại xăng dầu, sẽ mang lại nguồn thu trong tương lai cho công ty.

Từ các căn cứ trên, Công ty cho rằng tình hình sản xuất, kinh doanh của Công ty trong thời gian tới sẽ có chuyển biến tích cực, theo đó Công ty sẽ đảm bảo đủ vốn lưu động phục vụ cho hoạt động kinh doanh, đủ vốn đầu tư để hoàn thành kế hoạch đầu tư dự kiến

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Khai thác Khoáng sản	Tầng 9 Tòa nhà Dầu Khí, số 38A Đại lộ Lê Lợi, Phường Hạc Thành, Tỉnh Thanh Hóa	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao

2 CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên hạch toán độc lập và của Văn phòng Công ty.

Trong báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

2.4 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Ước tính phân bổ chi phí trả trước;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp;

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và được Ban Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.6 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào báo cáo tài chính/báo cáo tài chính hợp nhất (nếu đơn vị nhận đầu tư là Công ty mẹ) của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng;
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.7 Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.8 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các

chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu phát sinh các khoản chi phí sau ghi nhận ban đầu làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị khác	05 - 08 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 10 năm

2.10 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Bất động sản đầu tư là Tòa nhà Dầu khí, đặt tại số 38A, Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá bất động sản là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 30 năm.

2.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.12 Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 đến 03 năm.
- Chi phí sửa chữa lớn Tòa nhà Dầu khí, đặt tại số 38A, Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng 3 năm.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 01 đến 03 năm.

2.13 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.14 Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

2.15 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.16 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.17 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

2.18 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

2.19 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.20 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ và kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

2.21 Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí lãi vay.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.22 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.23 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

2.24 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.25 Thông tin bộ phận

Do trong kỳ, phần lớn doanh thu của Công ty là từ doanh thu xây lắp công trình và phát sinh tại miền Bắc nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 TIỀN

	<u>30/06/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
	VND	VND
Tiền mặt	448.101.074	186.790.486
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.583.742.565	2.097.149.310
	<u>2.031.843.639</u>	<u>2.283.939.796</u>

4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	26.400.000.000	-	27.000.000.000	-
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	26.400.000.000	-	27.000.000.000	-
	26.400.000.000	-	27.000.000.000	-

(i) Tại ngày 30/06/2025, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có tổng giá trị 26.400.000.000 VND là tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng được gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông, Ngân hàng Bản Việt với lãi suất từ 4,7%/năm - 5,5%/năm

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên kết				
Công ty CP Khách sạn Lam Kinh (i)	18.296.788.082	(18.296.788.082)	18.296.788.082	(18.296.788.082)
	18.296.788.082	(18.296.788.082)	18.296.788.082	(18.296.788.082)

(i) Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh có vốn điều lệ 190.000.000.000 VND chia thành 19.000.000 cổ phần, Công ty sở hữu giữ 9,63% cổ phiếu có quyền biểu quyết. Khoản dự phòng cho khoản đầu tư trên được trích lập căn cứ vào Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020 chưa được kiểm toán của Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh. Tại ngày 31/12/2020, vốn chủ sở hữu của Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh là âm 29.852.509.182 VND.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này do chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

5 PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn				
Bên liên quan	14.286.052.397	-	16.230.810.989	-
Chi nhánh Phía bắc - Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	11.104.044.502	-	11.104.044.502	-
Ban điều hành dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	2.607.915.803	-	4.552.674.395	-
Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	574.092.092	-	574.092.092	-
Bên khác	20.971.236.909	(1.095.147.029)	22.298.416.455	(1.095.147.029)
Công ty TNHH xây dựng Nhật Quảng	5.449.211.050	-	5.449.211.050	-
Công ty TNHH xây dựng Cát Hải	3.041.357.715	-	4.041.357.715	-
Công ty TNHH Xây dựng Công nghiệp OLYMPIA	6.162.045.355	-	6.881.842.459	-
Các khách hàng khác	6.318.622.789	(1.095.147.029)	5.926.005.231	(1.095.147.029)
	35.257.289.306	(1.095.147.029)	38.529.227.444	(1.095.147.029)
b) Dài hạn				
Bên liên quan	64.021.872.769	-	64.289.387.170	-
Tổng công ty CP xây lắp dầu khí Việt Nam	12.191.285.851	-	12.191.285.851	-
Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu Khí	6.005.828.886	-	6.273.343.287	-
Ban ĐH Dự án nhà máy xơ sợi Polyester Hải Phòng	564.179.713	-	564.179.713	-
Công ty CP Khách sạn Lam Kinh	45.260.578.319	-	45.260.578.319	-
	64.021.872.769	-	64.289.387.170	-

6 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

		30/06/2025		01/01/2025	
		Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
		VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn					
<i>Bên liên quan</i>	1.159.498.000	-	1.159.498.000	-	
Công ty CP Anh Phát Nghi Sơn	1.088.870.000	-	1.088.870.000	-	
Công ty CP Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	70.628.000	-	70.628.000	-	
<i>Bên khác</i>	1.990.086.241	-	2.045.166.240	-	
Các người bán khác	1.990.086.241	-	2.045.166.240	-	
	3.149.584.241	-	3.204.664.240	-	
b) Dài hạn					
<i>Bên liên quan</i>	34.583.560.480	-	34.583.560.480	-	
Tổng Công ty Đầu tư xây dựng và Thương mại Anh Phát - CTCP	29.355.863.103	-	29.355.863.103	-	
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Trường Sơn	3.499.319.305	-	3.499.319.305	-	
Công ty CP đầu tư XD Vinaconex - PVC	1.728.378.072	-	1.728.378.072	-	
<i>Bên khác</i>	4.703.017.470	(20.000.000)	4.703.017.470	(20.000.000)	
Công ty CP Tư vấn Đầu tư Xây dựng Thăng Long	1.300.000.000	-	1.300.000.000	-	
Công ty CP Xây dựng và TM Hùng Đô	1.148.135.182	-	1.148.135.182	-	
Các người bán khác	2.254.882.288	(20.000.000)	2.254.882.288	(20.000.000)	
	39.286.577.950	(20.000.000)	39.286.577.950	(20.000.000)	

7 PHẢI THU KHÁC

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về lãi tiền gửi	73.513.531	-	44.721.095	-
Phải thu về tạm ứng	5.227.875.413	(506.144.678)	5.215.595.232	(506.144.678)
Phải thu các nhà thầu dự án Nghi Sơn (i)	24.730.140.084	-	24.730.140.084	-
Công ty CP Đầu tư và Thương mại Dầu khí Sông Hồng (ii)	6.942.986.111	-	6.942.986.111	-
Phải thu khác	6.175.228.747	-	6.199.948.702	-
	43.149.743.886	(506.144.678)	43.133.391.224	(506.144.678)
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	34.000.000	-	34.000.000	-
Ông Dương Trọng Hưng	7.598.015.237	(7.598.015.237)	7.598.015.237	(7.598.015.237)
Ông Nguyễn Trung Liêm	7.137.808.143	(7.137.808.143)	7.137.808.143	(7.137.808.143)
Ông Lương Hoàng	10.367.791.662	(10.367.791.662)	10.367.791.662	(10.367.791.662)
Phải thu khác	3.744.339.254	(88.937.396)	3.744.339.254	(88.937.396)
	28.881.954.296	(25.192.552.438)	28.881.954.296	(25.192.552.438)
c) Trong đó: Bên liên quan				
Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu Khí	1.750.748.646	-	1.750.748.646	-
Công ty CP Đầu tư xây dựng Vinaconex-	1.096.366.511	-	1.096.366.511	-
Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy dầu khí	362.654.029	-	362.654.029	-
Công ty CP Khách sạn Dầu khí Lam Kinh	184.754.218	-	184.754.218	-
	3.394.523.404	-	3.394.523.404	-

(i) Bao gồm các khoản chi phí xây dựng hệ thống chiếu sáng, các chi phí chung và các khoản chi phí quyền góp từ thiện, kinh phí khen thưởng Ban quản lý mà Công ty sẽ phân bổ cho các nhà thầu phụ tham gia công trình lọc hóa dầu Nghi Sơn theo tỷ lệ khối lượng của mỗi nhà thầu khi có quyết toán.

(ii) Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 24/2011/HĐHTĐT-PVC.TH-PVSH ngày 08/09/2011, Công ty chuyển giao số tiền 27.500.000.000 VND cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Sông Hồng để đầu tư vào dự án Khu đô thị PVSH Garden tại huyện Nhoơn Trạch, tỉnh Đồng Nai với mức phí sử dụng vốn là 17%/năm trong 180 ngày kể từ thời điểm Công ty giao vốn. Công ty đã dừng thu phí sử dụng vốn tại thời điểm 30/06/2013. Tại thời điểm 30/06/2025, số dư phí sử dụng vốn là 6.942.986.111 VND.

8 NỢ XẤU

Các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Ông Dương Trọng Hưng	7.598.015.237	-	7.598.015.237	-
Ông Nguyễn Trung Liêm	7.137.808.143	-	7.137.808.143	-
Ông Lương Hoàng Công ty CP Công nghiệp Nam Sơn	10.367.791.662 459.735.480	- 137.920.644	10.367.791.662 459.735.480	- 137.920.644
Đối tượng khác	1.388.414.267	-	1.388.414.267	-
	26.951.764.789	137.920.644	26.951.764.789	137.920.644

9 HÀNG TỒN KHO

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	382.801.692	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	30.434.815	-	72.986.796	-
Công cụ, dụng cụ	13.560.400	-	13.560.400	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (i)	67.294.040.936	-	68.160.659.854	-
Hàng hoá	137.312.380	-	-	-
	67.858.150.223	-	68.247.207.050	-

(i) Chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh dở dang ngắn hạn

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Chi tiết Chi phí dở dang công trình	62.808.115.732	-	63.674.734.650	-
Dự án San lấp mặt bằng Liên hợp Lọc hoá dầu Nghi Sơn	31.945.976.121	-	31.945.976.121	-
Trạm phát điện Thái Bình	4.478.882.322	-	5.463.517.653	-
Công trình thi công 25 ha	7.789.254.232	-	7.789.254.232	-
Các công trình khác	18.594.003.057	-	18.475.986.644	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.485.925.204	-	4.485.925.204	-
Tòa nhà 38A cho thuê (*)	4.222.321.206	-	4.222.321.206	-
Chi phí dở dang khác	263.603.998	-	263.603.998	-
	67.294.040.936	-	68.160.659.854	-

(*) Gồm chi phí: Chi phí nhân công, chi phí khấu hao tòa nhà, chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng, chi phí sửa chữa tòa nhà...

Tại ngày 30/06/2025, Các công trình tồn đọng chưa quyết toán được đang theo dõi trên Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang ngắn hạn với tổng số dư là 62,81 tỷ VND.

10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	739.721.598	38.347.957
	739.721.598	38.347.957
b) Dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	259.421.657	285.699.883
Trả trước tiền thuê cây xăng	1.418.727.272	-
Sửa chữa lớn tòa nhà 38A (i)	4.330.541.166	5.792.393.544
	6.008.690.095	6.078.093.427

(i) Chi phí sửa chữa lớn tòa nhà 38A tại Đại lộ Lê Lợi - Thanh Hóa bao gồm các chi phí tháo dỡ, sửa chữa, thay thế, lắp mới,... Công ty chưa lập các hồ sơ nghiệm thu hoàn thành công tác sửa chữa lớn này.

11 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm	293.528.482	624.245.455	1.628.894.181	62.727.273	2.609.395.391
Số dư cuối kỳ	293.528.482	624.245.455	1.628.894.181	62.727.273	2.609.395.391
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	291.569.007	565.347.724	1.510.737.911	59.894.454	2.427.549.096
Khấu hao trong kỳ	-	11.028.126	29.325.000	2.832.819	43.185.945
Số dư cuối kỳ	291.569.007	576.375.850	1.540.062.911	62.727.273	2.470.735.041
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	1.959.475	58.897.731	118.156.270	2.832.819	181.846.295
Tại ngày cuối kỳ	1.959.475	47.869.605	88.831.270	-	138.660.350

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 là 2.139.912.289 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là 2.032.185.016 VND).

12 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

a) Bất động sản đầu tư cho thuê

	Nhà văn phòng VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	73.235.868.711	73.235.868.711
Số dư cuối kỳ	73.235.868.711	73.235.868.711
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	29.392.613.921	29.392.613.921
Khấu hao trong kỳ	879.314.856	879.314.856
Số dư cuối kỳ	30.271.928.777	30.271.928.777
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	43.843.254.790	43.843.254.790
Tại ngày cuối kỳ	42.963.939.934	42.963.939.934

Trong 6 tháng đầu năm 2025, doanh thu phát sinh từ bất động sản đầu tư là 1.047.646.641 VND (6 tháng đầu năm 2024 là 932.833.865 VND)

Bất động sản đầu tư cho thuê duy nhất mà Công ty sở hữu và kinh doanh từ năm 2015 là Tòa nhà Dầu khí, đặt tại số 38A, Đại lộ Lê Lợi, thành phố Thanh Hóa nay là Số 38A, Đại lộ Lê Lợi, Phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa. Công ty đã thế chấp bất động sản đầu tư này để đảm bảo cho khoản tiền vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 30 tháng 06 năm 2025. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê và giá thị trường của tài sản này, Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

13 TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn				
Dự án Khu tổ hợp	199.600.912.198	-	199.600.912.198	-
Thương mại Dịch vụ nhà ở chung cư (i)				
	199.600.912.198	-	199.600.912.198	-

(i) Dự án có tên gọi "Khu tổ hợp Thương mại Dịch vụ nhà ở chung cư" của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại Thanh Hóa được xây dựng trên khu đất có diện tích 32.275,5 m² giáp Đại lộ Lê Lợi, phường Đông Hương, tỉnh Thanh Hóa. Dự án được chia làm 2 tiểu dự án thành phần gồm "Dự án Khách sạn Lam Kinh" trên khu đất có diện tích 18.791,9 m² và "Dự án giai đoạn 2" trên khu đất có diện tích 13.483,6 m².

Ngày 30 tháng 11 năm 2011, Công ty đã ký kết Hợp đồng chuyển nhượng số 41/2011/HĐCN với Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh (KSLK) về việc Công ty chuyển nhượng "Dự án Khách sạn Lam Kinh" cho KSLK với tổng giá trị chuyển nhượng tài sản dự án "bằng giá trị quyết toán vốn đầu tư xây dựng Khách sạn Lam Kinh đã được phê duyệt và kiểm toán theo quy định". Tuy nhiên, đến ngày 30 tháng 06 năm 2025, thủ tục liên quan đến việc chuyển nhượng trên vẫn chưa hoàn tất.

Đồng thời trong năm 2017, "Dự án giai đoạn 2", Công ty đã chuyển nhượng dự án cho Công ty Cổ phần Mai Tuấn Nghĩa.

Như trình bày tại Thuyết minh số 20, dự án này đang được thế chấp cho khoản vay tại Công ty Tài chính Dầu khí Thanh Hóa (nay là PvcomBank - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa). Theo đó, việc chuyển nhượng dự án phải được sự chấp thuận của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa. Tuy nhiên Công ty đã chuyển nhượng dự án "Khách sạn Lam Kinh" cho Công ty CP Khách sạn Lam Kinh quản lý và khai thác sử dụng khi chưa có sự chấp thuận của PvcomBank.

b) Xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Xây dựng cơ bản		
- Dự án Xây dựng hạ tầng Khu công nghiệp I và khu tập kết vật tư, thiết bị xây dựng Khu liên hợp hóa dầu Nghi Sơn (i)	19.367.945.472	19.367.945.472
	19.367.945.472	19.367.945.472

(i) Theo Quyết định số 235/QĐ-BQLKKTNS ngày 01/08/2013 của Ban quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn, dự án này đã bị chấm dứt. Theo đó, ngày 24/09/2014, Công ty đã có biên bản làm việc với đối tác là Tổng Công ty Đầu tư Xây dựng và Thương Mại Anh Phát - CTCP về việc thỏa thuận hoàn trả chi phí đã đầu tư tại dự án, tổng số là 26.422.536.093 VND, trong đó giá trị đầu tư thống nhất được hoàn trả là 14.760.774.232 VND, giá trị chưa được thống nhất là 11.661.761.861 VND liên quan tới chi phí đền bù giải phóng mặt bằng mà Công ty đã ứng cho các hộ dân để thu hồi đất do chưa hoàn thiện các thủ tục có liên quan.

14 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Bên liên quan				
Bên liên quan	1.221.892	1.221.892	-	-
Công ty CP Anh Phát Petro	1.221.892	1.221.892	-	-
Bên khác	15.917.576.647	15.917.576.647	16.308.473.266	16.308.473.266
Tổng công ty xây dựng số 1 - TNHH	898.130.497	898.130.497	898.130.497	898.130.497
Công ty CP Tư vấn Địa kỹ thuật Việt Cường	1.062.460.300	1.062.460.300	1.062.460.300	1.062.460.300
Công ty CP Đầu tư BT Quảng Ninh	2.473.245.800	2.473.245.800	2.573.245.800	2.573.245.800
Các người bán khác	11.483.740.050	11.483.740.050	11.774.636.669	11.774.636.669
	15.918.798.539	15.918.798.539	16.308.473.266	16.308.473.266

14 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN (TIẾP THEO)

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả	Giá trị	Số có khả
	VND	VND	VND	VND
b) Dài hạn				
Bên liên quan	47.498.531.819	47.498.531.819	47.678.531.819	47.678.531.819
Công ty CP đầu tư xây dựng Vinaconex-PVC	24.818.030.770	24.818.030.770	24.818.030.770	24.818.030.770
Công ty CP thi công cơ giới và lắp máy dầu khí (PVC ME)	20.932.012.224	20.932.012.224	20.962.012.224	20.962.012.224
Công ty CP Xây lắp dầu khí Hà Nội	1.067.563.758	1.067.563.758	1.217.563.758	1.217.563.758
Tổng Công ty Đầu tư Xây dựng và Thương mại Anh Phát - CTCP	626.803.218	626.803.218	626.803.218	626.803.218
Công ty CP xây lắp dầu khí Nghệ An	54.121.849	54.121.849	54.121.849	54.121.849
Bên khác	21.170.552.808	21.170.552.808	21.170.552.808	21.170.552.808
Tổng Công ty xây dựng Trường Sơn	6.899.276.718	6.899.276.718	6.899.276.718	6.899.276.718
Công ty CP Cosevco 1	4.268.443.861	4.268.443.861	4.268.443.861	4.268.443.861
Công ty TNHH Minh Hằng	2.361.558.818	2.361.558.818	2.361.558.818	2.361.558.818
Các người bán khác	7.641.273.411	7.641.273.411	7.641.273.411	7.641.273.411
	68.669.084.627	68.669.084.627	68.849.084.627	68.849.084.627

15 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Bên liên quan	-	44.213.000
Tổng Công ty Đầu tư Xây dựng và Thương mại Anh Phát - CTCP	-	44.213.000
Bên khác	948.485.315	825.612.373
Công ty TNHH Xây dựng Thống Nhất	200.000.000	200.000.000
Công ty CP Tập đoàn FLC Faros	500.000.000	500.000.000
Các khách hàng khác	248.485.315	125.612.373
	948.485.315	869.825.373

16 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	31.084.695	-	-	-	31.084.695
Thuế thu nhập doanh nghiệp	60.521.822	-	-	-	60.521.822	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	29.633.009	3.881.061	8.283.578	-	25.230.492
Thuế tài nguyên	-	3.953.586	-	-	-	3.953.586
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	887	-	427.616.784	-	-	427.615.897
Các khoản phí, lệ phí và phải nộp khác	-	2.823.990	3.000.000	3.000.000	-	2.823.990
	60.522.709	67.495.280	434.497.845	11.283.578	60.521.822	490.708.660

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Chi phí lãi vay	84.525.184.953	84.525.184.953
	84.525.184.953	84.525.184.953

18 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Doanh thu nhận trước về cho thuê tài sản	178.166.181	105.657.340
	178.166.181	105.657.340
b) Dài hạn		
Doanh thu nhận trước về cho thuê tài sản	15.639.373.137	15.880.014.849
	15.639.373.137	15.880.014.849

19 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	235.001.813	226.951.893
Bảo hiểm xã hội	592.430.423	764.483.219
Bảo hiểm y tế	13.028.265	13.071.519
Bảo hiểm thất nghiệp	5.790.340	5.809.564
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	230.390.535	230.390.535
Phải trả khác	596.633.256	582.709.973
	1.673.274.632	1.823.416.703

Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa

Tầng 10 Tòa nhà Dầu Khí, số 38A Đại lộ Lê Lợi, Phường Hạc Thành, Tỉnh Thanh Hóa

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

20 VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	01/01/2025		Trong kỳ		30/06/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng Thương mại CP Đại chúng Việt Nam (i)	307.367.045.771	307.367.045.771	-	-	307.367.045.771	307.367.045.771
Ông Nguyễn Trung Liêm	119.113.274	119.113.274	-	-	119.113.274	119.113.274
Bà Vũ Thúy Hạnh	1.867.430.000	1.867.430.000	-	-	1.867.430.000	1.867.430.000
Ông Nguyễn Duy Linh	400.000.000	400.000.000	-	-	400.000.000	400.000.000
	309.753.589.045	309.753.589.045	-	-	309.753.589.045	309.753.589.045
Khoản đến hạn trả trong 12 tháng	-	-	-	-	-	-
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	309.753.589.045	309.753.589.045			309.753.589.045	309.753.589.045

- (i) Ngày 28/01/2011, Công ty ký Phụ lục sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 14/HĐTD-DH/PVFCFCTL08/PL02 với Tổng Công ty Tài chính Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long và với Công ty Cổ phần Bất động sản Tài chính Dầu khí Việt Nam, theo đó Công ty nhận chuyển giao khoản vay của Công ty Cổ phần Bất động sản Tài chính Dầu khí Việt Nam vay của Tổng Công ty Tài chính Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long (nay là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam).
- Khoản vay chi tiết của Hợp đồng tín dụng số 14/HĐTD-DH/PVFCFCTL08, Phụ lục hợp đồng số 14/HĐTD- DH/PVFCFCTL08 và biên bản đối chiếu công nợ ngày 28/01/2011, số tiền vay là 26.259.885.960 VND.
- Mục đích sử dụng vốn là đầu tư tòa nhà văn phòng tại 38A Đại lộ Lê Lợi.
- Thời hạn vay là 10 năm tính từ ngày 24/12/2010.
- Lãi tiền vay trả định kỳ theo quý tính từ ngày 24/12/2010, lãi suất được điều chỉnh theo quý.
- Khoản vay được thế chấp bằng toàn bộ Tòa nhà Dầu khí tại 38A Đại lộ Lê Lợi, Phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 18/02/2011, Công ty ký Hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ dự án số 08/2011/HĐCND/PA/PVFCFCTL08/PL02 với Công ty Cổ phần Bất động sản Tài chính Dầu khí Việt Nam, theo hợp đồng Công ty nhận lại khoản vay của Công ty CP Bất động sản Tài chính Dầu khí Việt Nam vay của Tổng Công ty Tài chính Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long (nay là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam).

Khoản vay chi tiết theo Hợp đồng tín dụng số 01/2010/HĐTD-DH/0403210, Phụ lục hợp đồng số 01/2010/ HĐTD-DH/0403210.

Mục đích sử dụng vốn là thanh toán các chi phí thuộc tổng mức đầu tư dự án Khách sạn Lam Kinh với hạn mức 295.000.000.000 VND.

Thời hạn vay là từ ngày 27/12/2010 đến ngày 15/04/2022.

Lãi suất cho vay được điều chỉnh 3 tháng 1 lần tính từ ngày 15/01/2011, lãi tiền vay trả định kỳ theo quý tính từ ngày 27/12/2010.

Khoản vay được thế chấp bằng toàn bộ tài sản hình thành sau đầu tư dự án Khách sạn Lam Kinh, nguồn thu từ dự án và toàn bộ quyền thụ hưởng của chủ đầu tư từ dự án.

Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa

Tầng 10 Tòa nhà Dầu Khí, số 38A Đại lộ Lê Lợi, Phường Hạc Thành, Tỉnh Thanh Hóa

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Theo thư xác nhận số dư của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam số 14685/PVB-QL&TCTTS ngày 15/07/2025, chi phí đi vay và các khoản phạt liên quan đến dự án “Khu Tổ hợp Thương mại Dịch vụ nhà ở” cụ thể là dự án “Khách sạn Lam Kinh” và dự án “Đầu tư Xây dựng Tòa nhà Dầu khí 38A Đại lộ Lê Lợi - Thanh Hóa” từ năm 2015 đến ngày 30/06/2025 Công ty chưa chi trả cho Ngân hàng số tiền là 723.286.828.370 VND, trong đó Công ty đã tạm trích trước chi phí lãi vay và ghi nhận lũy kế đến ngày 30/06/2025 trên khoản mục chi phí phải trả với giá trị là 84.525.184.953 VND (chi tiết tại Thuyết minh số 17).

Dựa theo Quyết định số 03/2022/QĐST-KDTM ngày 25/11/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa tạm đình chỉ giải quyết vụ án kinh doanh thương mại về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” của 2 hợp đồng vay nêu trên do đã hết thời hạn tạm ngưng phiên tòa nhưng chưa thu thập được các chứng cứ theo lý do tạm ngưng phiên tòa. Ngày 02/11/2023, Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa tỉnh Thanh Hóa ra quyết định số 17/2023/QĐST-KDTM về việc tiếp tục giải quyết vụ án kinh doanh thương mại và đưa ra quyết định 04/2023/QĐ-ĐG về việc đình giá tài sản và thành lập hội đồng định giá tài sản tranh chấp ngày 06/11/2023. Đến ngày 02/02/2024, Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa tỉnh Thanh Hóa ra quyết định số 14/2024/QĐST-KDTM về việc tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự cho đến khi có kết quả định giá tài sản tranh chấp. Đến ngày 23 tháng 06 năm 2025, Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa đã ra quyết định số 126/2025/QĐST – KDTM về việc tiếp tục giải quyết vụ án.

21 VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quý đầu tư phát triển	Quý khác thuộc vốn CSH	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	210.000.000.000	6.355.535.090	1.567.942.490	(141.625.778.659)	76.297.698.921
Lỗ trong kỳ trước	-	-	-	(13.790.758.644)	(13.790.758.644)
Số dư cuối kỳ trước	210.000.000.000	6.355.535.090	1.567.942.490	(155.416.537.303)	62.506.940.277
Số dư đầu năm nay	210.000.000.000	6.355.535.090	1.567.942.490	(161.863.160.619)	56.060.316.961
Lỗ trong kỳ này	-	-	-	(4.289.461.099)	(4.289.461.099)
Số dư cuối kỳ này	210.000.000.000	6.355.535.090	1.567.942.490	(166.152.621.718)	51.770.855.862

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>30/06/2025</u> VND	<u>Tỷ lệ</u>	<u>01/01/2025</u> VND	<u>Tỷ lệ</u>
Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	75.600.000.000	36,00%	75.600.000.000	36,00%
Tổng Công ty Đầu tư Xây dựng và Thương mại Anh Phát - CTCP	1.400.000.000	0,67%	1.400.000.000	0,67%
Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội	31.000.000.000	14,76%	31.000.000.000	14,76%
Công ty CP Quản lý quỹ Leadvisors	15.000.000.000	7,14%	15.000.000.000	7,14%
Các cổ đông khác	87.000.000.000	41,43%	87.000.000.000	41,43%
	<u>210.000.000.000</u>	<u>100%</u>	<u>210.000.000.000</u>	<u>100%</u>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	<u>6 tháng đầu năm 2025</u> VND	<u>6 tháng đầu năm 2024</u> VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	210.000.000.000	210.000.000.000
- Vốn góp cuối kỳ	210.000.000.000	210.000.000.000

d) Cổ phiếu

	<u>30/06/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	21.000.000	21.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	21.000.000	21.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	21.000.000	21.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	21.000.000	21.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	21.000.000	21.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ Cổ phiếu		

e) Các quỹ của công ty

	<u>30/06/2025</u> VND	<u>01/01/2025</u> VND
Quỹ đầu tư phát triển	6.355.535.090	6.355.535.090
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	1.567.942.490	1.567.942.490
	<u>7.923.477.580</u>	<u>7.923.477.580</u>

22 TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	6 tháng đầu năm 2025 VND	6 tháng đầu năm 2024 VND
Doanh thu xây lắp	1.037.318.053	11.684.051.220
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.184.027.712	1.051.365.674
Doanh thu bán hàng hóa	2.210.210.909	-
	4.431.556.674	12.735.416.894
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 33)	1.037.318.053	-

23 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	6 tháng đầu năm 2025 VND	6 tháng đầu năm 2024 VND
Giá vốn xây lắp	995.825.331	21.872.259.107
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	3.387.439.976	1.897.870.974
Giá vốn bán hàng hóa	2.078.007.663	-
	6.461.272.970	23.770.130.081
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan Tổng giá trị mua vào: (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 33)	2.090.242.729	-

24 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2025 VND	6 tháng đầu năm 2024 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	750.948.865	582.085.701
	750.948.865	582.085.701

25 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	6 tháng đầu năm 2025 VND	6 tháng đầu năm 2024 VND
Chi phí nhân công	84.830.733	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	54.460.710	-
Chi phí khác bằng tiền	2.365.000	-
	141.656.443	-

26 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Chi phí nhân công	1.870.792.547	2.451.845.644
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	116.462.987	178.296.946
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.832.819	9.216.175
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	73.005.193
Chi phí dịch vụ mua ngoài	529.271.478	331.329.346
Chi phí khác bằng tiền	260.795.214	227.990.092
	2.783.155.045	3.271.683.396

27 THU NHẬP KHÁC

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Thanh lý công cụ dụng cụ	39.239.545	-
Thu nhập khác	1	424.402
	39.239.546	424.402

28 CHI PHÍ KHÁC

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Tiền án phí	44.099.313	19.980.000
Tiền chậm nộp thuế, bảo hiểm	21.317.253	46.834.464
Thanh lý công cụ dụng cụ	42.551.981	-
Phạt vi phạm hành chính	17.153.000	-
Các khoản khác	179	57.700
	125.121.726	66.872.164

29 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2025 VND	6 tháng đầu năm 2024 VND
Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	(4.289.461.099)	(13.790.758.644)
Các khoản điều chỉnh tăng	82.569.566	66.872.164
- Chi phí không được trừ	82.569.566	66.872.164
Thu nhập chịu thuế TNDN	(4.206.891.533)	(13.723.886.480)
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	-	-
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	(60.521.822)	(60.521.822)
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	-	-
Tổng thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	(60.521.822)	(60.521.822)

30 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	6 tháng đầu năm 2025 VND	6 tháng đầu năm 2024 VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	(4.289.461.099)	(13.790.758.644)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(4.289.461.099)	(13.790.758.644)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	21.000.000	21.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(204)	(657)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

31 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	6 tháng đầu năm 2025 VND	6 tháng đầu năm 2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.240.000	848.404.569
Chi phí nhân công	2.639.836.655	2.987.629.314
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	1.729.357.397	1.803.966.675
Chi phí khấu hao tài sản cố định	922.500.801	888.531.031
Thuế, phí và lệ phí	14.623.824	(51.792.695)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	665.033.670	1.196.684.467
Chi phí khác bằng tiền	463.865.530	522.760.533
	6.441.457.877	8.196.183.894

32 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên báo cáo tài chính giữa niên độ này.

33 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty CP Xây lắp dầu khí Việt Nam	Cổ đông lớn
Ban điều hành Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	Đơn vị phụ thuộc của cổ đông lớn
Chi nhánh Phía bắc - Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Đơn vị phụ thuộc của cổ đông lớn
Ban Điều hành Dự án Nhà máy Xơ sợi Polyester Hải Phòng	Đơn vị phụ thuộc của cổ đông lớn
Tổng Công ty Đầu tư Xây dựng và Thương mại Anh Phát - CTCP	Cổ đông lớn
Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội	Cổ đông lớn
Công ty CP Quản lý quỹ Leadvisors	Cổ đông lớn
Công ty CP Anh Phát Nghi Sơn	Công ty liên kết của cổ đông lớn
Công ty CP Khách sạn Lam Kinh	Công ty liên kết
Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC)	Công ty con của cổ đông lớn
Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	Công ty con của cổ đông lớn
Công ty CP đầu tư xây dựng Vinaconex-PVC	Công ty liên kết của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần xây lắp dầu khí Trường Sơn	Công ty liên kết của cổ đông lớn
Công ty CP Thi công cơ giới và Lắp máy Dầu khí	Công ty liên kết của cổ đông lớn
Công ty CP Thiết kế Quốc tế Heerim - PVC	Công ty liên kết của cổ đông lớn
Công ty CP Xây lắp dầu khí Hà Nội	Công ty liên kết của cổ đông lớn
Công ty CP Trang trí nội thất Dầu khí	Công ty liên kết của cổ đông lớn
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Nghệ An	Công ty liên kết của cổ đông lớn
Công ty CP Anh Phát Petro	Công ty con của cổ đông lớn
Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, những người quản lý khác của Công ty	Thành viên quản lý chủ chốt của Công ty

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ với các bên liên quan như sau:

	6 tháng đầu năm 2025 VND	6 tháng đầu năm 2024 VND
Bán hàng, cung cấp dịch vụ	1.037.318.053	-
Ban điều hành Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	1.037.318.053	-
Mua hàng hóa, dịch vụ	2.090.242.729	-
Công ty CP Anh Phát Petro	2.090.242.729	-


Thù lao, tiền lương và các khoản thu nhập khác của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Ban kiểm soát và người quản lý khác như sau:


	Chức vụ	6 tháng đầu năm 2025 VND	6 tháng đầu năm 2024 VND
Ông Lê Anh Dũng	Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm ngày 26/12/2024)	23.318.182	165.000.000
Ông Vũ Đức Tiến	Phó Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm ngày 20/05/2025)	-	18.000.000
Ông Phạm Văn Tú	Thành viên HĐQT	-	18.000.000
Ông Hoàng Tuấn Anh	Thành viên HĐQT	-	18.000.000
Ông Phạm Văn Trường	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 26/09/2024)	36.000.000	56.454.545
Ông Hoàng Đắc Tuấn	Giám đốc (bổ nhiệm ngày 14/5/2024)	153.381.818	42.545.455
Bà Vũ Thị Hà	Phó Giám đốc	127.902.598	123.000.000
Ông Nguyễn Văn Quang	Phó Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 26/03/2025)	84.194.805	123.000.000
Ông Vũ Đức Long	Phó Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 26/03/2025)	35.028.571	-
Bà Vũ Thị Thanh	Trưởng Ban Kiểm soát	91.681.818	79.090.909
Bà Trịnh Thị Hồng	Thành viên Ban Kiểm soát	-	12.000.000
Ông Đỗ Dương Thông	Thành viên Ban Kiểm soát	-	12.000.000


Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ kế toán với Công ty.

34 SÓ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024.


Lương Quang Trung
Người lập biểu


Vũ Thị Hải
Phụ trách phòng
Tài chính - Kế toán


Hoàng Đắc Tuấn
Giám đốc
Thanh Hóa, ngày 12 tháng 08 năm 2025

